

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGÔN NGỮ MẠNG TIẾNG VIỆT

NGUYỄN VĂN KHANG (*)

Tóm tắt: Từ góc nhìn của ngôn ngữ học xã hội, ngôn ngữ mạng của người Việt được xem là một phương ngữ xã hội điển hình. Bài viết trình bày một số tính năng của ngôn ngữ tiếng Việt sử dụng trên internet và phân tích những quan điểm xã hội hiện nay về vấn đề này.

Từ khóa: Ngôn ngữ học xã hội; ngôn ngữ mạng tiếng Việt; phương ngữ; quản lý.

Abstract: From a sociolinguistic perspective, Vietnamese cyber language is considered a typical social dialect. This article presented some linguistic features of Vietnamese language used on the internet and analysed current social views on this issue.

Keywords: sociolinguistics; Vietnamese cyber language; dialect, management.

Ngày nhận bài: 12/10/2015; *Ngày duyệt đăng bài:* 10/11/2015.

1. Những vấn đề chung

1.1. Sự ra đời của internet có thể coi là một trong những bước ngoặt của lịch sử nhân loại. Internet xuất hiện, phát triển và lan tỏa như vũ bão đã làm nên cuộc cách mạng về truyền tin và cuộc cách mạng trong mọi mặt đời sống của con người. Sống trong thế giới của internet, người ta không thể không lựa chọn nó, nếu không muốn mình được/bị coi là lạc hậu. Điều này lí giải vì sao, những người ưa tìm hiểu, ưa khám phá và muốn thành công trong cuộc sống đã tìm đến internet, trong đó, đặc biệt là giới trẻ-lớp người năng động, ưa khám phá, dám nghĩ, dám làm. Bởi chỉ cần một công cụ như máy tính hay điện thoại di động, con người cảm thấy thế giới như hẹp lại về không gian và ngán lại về thời gian. Lí do là vì, nhờ có internet, người ta có thể liên kết với thế giới qua một không gian ảo, có thể

khai thác tài nguyên mạng để tiếp nhận mọi thông tin bên ngoài và đưa thông tin của bản thân ra bên ngoài, từ phạm vi hẹp là cộng đồng nhỏ (nhóm người hoặc vùng/miền), lớn hơn là quốc gia, rộng hơn nữa là khu vực và bao trùm là toàn thế giới. Với đặc thù như vậy, ngôn ngữ sử dụng trên internet trở thành *ngôn ngữ mạng* và những người sử dụng internet, theo lí thuyết của ngôn ngữ học xã hội, lập thành cộng đồng giao tiếp (community of speech) trên mạng gọi là *cộng đồng giao tiếp trên mạng* (gọi tắt là *cộng đồng mạng*), trong đó họ là các thành viên, gọi là *cư dân mạng*.

1.2. *Ngôn ngữ mạng* có thể hiểu chung là ngôn ngữ được sử dụng để giao tiếp trên mạng. Một cách cụ thể hơn, ngôn ngữ

(*) GS.TS. Tổng biên tập Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*.
Email: nvkhang@gmail.com.

mạng là ngôn ngữ được cư dân mạng sử dụng để thích ứng với nhu cầu giao tiếp trên mạng. Ngôn ngữ mạng có thể coi là một biến thể xã hội của một ngôn ngữ cụ thể, chẳng hạn, ngôn ngữ mạng tiếng Việt, ngôn ngữ mạng tiếng Anh, ngôn ngữ mạng tiếng Hán, v.v... Đây là biến thể ngôn ngữ của cư dân mạng được sử dụng trên không gian ảo, được sản sinh và xuất hiện cùng với cư dân mạng. Theo nghĩa rộng, ngôn ngữ sử dụng trên mạng bao gồm ngôn ngữ trong các thông tin trên mạng, ngôn ngữ trao đổi, giao lưu trên mạng như ngôn ngữ chat, ngôn ngữ trên blog, face book... Một cách khái quát, ngôn ngữ mạng có thể phân thành 3 loại là: 1/ Ngôn ngữ đời thường được dùng trên mạng; 2/ Ngôn ngữ máy tính mạng, gồm các thuật ngữ chuyên ngành của mạng (ví dụ: *màn hình, bàn phím, chuột, phần mềm, email, URL, WAP, CRM; hacker, không gian ảo, cư dân mạng,*.); 3/ Ngôn ngữ mang những đặc điểm riêng khi sử dụng trên mạng, gồm: ngôn từ (ví dụ: *hic, hi, he he, rùi, roài, iu, đêm cuối cùng*); biểu tượng, kí hiệu (ví dụ: *(:-) J, :) J, :] , đang cảm thấy mệt mỏi*); con số (ví dụ: *G9;2222*); v.v... Với cách nhìn của ngôn ngữ học xã hội, có bao nhiêu nhóm xã hội thì có bấy nhiêu phương ngữ xã hội. Phương ngữ xã hội có hai đặc trưng cơ bản là đặc trưng xã hội của người sử dụng ngôn ngữ (phân tầng xã hội theo giới, tuổi, địa vị, nghề nghiệp, thu nhập, tôn giáo, v.v...) và bối cảnh giao tiếp đặc định (gắn với cộng đồng giao tiếp). Đặc điểm của người sử dụng (cư dân mạng), nơi sử dụng (không gian ảo), chức năng biểu đạt (tự do

thể hiện CÁI TÔI cá nhân) đã làm nên tính đặc thù của ngôn ngữ mạng và trở thành một loại phương ngữ xã hội đặc thù. Tuy nhiên, khi nói đến ngôn ngữ mạng, người ta thường nhấn mạnh đến loại thứ (3) - biến thể chỉ thấy xuất hiện trên mạng, có tính đặc trưng, làm cho cho ngôn ngữ mạng có tính đặc thù của một loại phương ngữ xã hội.

1.3. Với tư cách là phương ngữ xã hội đặc thù, ngôn ngữ mạng có chức năng biểu đạt đặc thù. "Tính đặc thù" đó nhằm cố gắng thỏa mãn phần nào nhu cầu giao tiếp của cư dân mạng mà trước hết là cư dân mạng trẻ tuổi. Chẳng hạn, ngoài việc thỏa mãn nhu cầu của mọi cuộc giao tiếp thì có thể thấy, ngôn ngữ mạng có chức năng biểu đạt đặc thù như sau:

a. Ngôn ngữ mạng đòi hỏi phải có tốc độ nhanh. Với việc sử dụng bàn phím nên yêu cầu đặt ra là trong thời gian ngắn nhất có thể truyền tải nhanh nhất các thông tin có thể. Đây chính là lí do giải thích vì sao, ngoài các lí do khác thì ngôn ngữ mạng thích sử dụng cách viết tắt, chuyển cách diễn đạt bằng con số, bằng biểu tượng, bằng các câu "sai ngữ pháp, sai chính tả" và thường ngắn đến mức không thể ngắn hơn. Ví dụ:

chơi o? If dj, mag cho munj cun gtrinh. O ranh thi thoi." (*Có đi chơi không? ok. Nếu đi, mang cho cuốn giáo trình. Không rảnh thì thôi); người nhận tin trả lời: ok.

b. Ngôn ngữ mạng phải tạo ra cảm hứng, kích thích sự hứng thú, thú vị cho cả người phát tin (viết ra) và cả đối với người tiếp tin (người đọc/xem). Do vậy, ngôn ngữ mạng không chỉ thuần túy mang

tải thông tin mà còn bao chứa trong đó cả sự thích thú, lôi cuốn cả người viết lẫn người xem. Đây là lí do giải thích vì sao, ngôn ngữ mạng luôn được sáng tạo, cách tân, kích thích sự tò mò, tạo ra sự hứng khởi. Ví dụ:

ai chả biết từ lâu you có sở thích sưu tập pic zai đẹp [®] (*ai chả biết từ lâu chàng có sở thích sưu tập ảnh của giai đẹp).

c. Ngôn ngữ mạng mang tính trêu chọc, lôi kéo người khác cùng tham gia vào câu chuyện mà nói theo khẩu ngữ đời thường là “khích tướng”. Như đã biết, face book, chat room, blog cũng được coi là một hình thức “xả stress”, giải trí, góp phần làm giảm áp lực cho mọi người trong thời đại mà cuộc sống có quá nhiều áp lực từ công việc đến cuộc sống bản thân, cuộc sống gia đình, quan hệ xã hội. Vì thế, có thể thấy, trong ngôn ngữ mạng thường có những cách sử dụng ngôn từ dí dỏm cũng có khi thô tục để đùa vui, chọc ghẹo nhau. Ví dụ: Cư dân mạng X (X, Y, Z... thay cho việc nhắc tên thật của cư dân mạng-NVK) sau khi đăng một vài bức ảnh chụp các bức tượng nữ bán khỏa thân ở Hàn Quốc với lời bình kèm theo “*Trẻ ngoan hiền, già đồ đốn!*” đã lập thức có hàng loạt “thích” và “lời bình” như: *Đồ đốn một tí đã sao...; Ăn vụng thì phải biết...chùi / Bài này các cụ dạy rùi... chớ quên...; Già rồi chẳng sợ cái gì...*

1.4. Để thực hiện được yêu cầu trên, ngôn ngữ mạng có một số đặc điểm nổi trội như sau:

Thứ nhất, tính khẩu ngữ trong cách viết của ngôn ngữ mạng: Nhìn về hình thức (cách thao tác) thì đây đích thực là ngôn ngữ viết và “viết” bằng bàn phím (của máy

tính, của điện thoại di động); vì thế, ngôn ngữ mạng còn được gọi là “ngôn ngữ bàn phím” hay “ngôn ngữ ngón tay”. Tuy nhiên, thực chất, ngôn ngữ mạng là ngôn ngữ nói được thể hiện ở dạng viết, có đặc trưng nổi bật là tính tức thời. Nói cách khác, ngôn ngữ mạng là ngôn ngữ viết bằng bàn phím những lời nói tức thời. Sự giới hạn của không gian và thời gian đòi hỏi ngôn ngữ mạng phải đơn giản hóa về từ ngữ, rút ngắn độ dài của câu cùng cách hành văn ít được trau chuốt, thậm chí có chút kiếm nhả, tục tĩu do không kiểm chế được cảm xúc nhất thời của mình và thường lệch chuẩn (do vô tình hay cố ý để tạo sự chú ý, gây kích thích). Ví dụ:

“nhà nhiều bưởi thế mà điu cho anh em quả nào” (* nhà nhiều bưởi thế mà đ... cho anh em quả nào); *“Bố mày thích thì bố mày tưới đới :)”* (*Bố mày thích thì bố mày tưới đấy!); *Zai đẹp thì phải la cà / Nhưng đừng ..."thả cá"...sống ra...bên ngoài...*

Thứ hai, tính thị giác của ngôn ngữ mạng: Khác với ngôn ngữ viết thông thường, tính thị giác của ngôn ngữ mạng không chỉ dừng lại ở các con chữ mà còn có hình ảnh, các biểu tượng với sức mạnh ngữ nghĩa không kém gì ngôn từ, thậm chí có giá trị thông tin cao hơn cả ngôn từ. Nếu như trong giao tiếp lời nói, các nghiên cứu cho rằng, ngôn từ chỉ có sức mạnh truyền tin khoảng 30%, còn lại là sức mạnh của ngôn ngữ không lời (cận ngôn, phi lời) thì ngôn ngữ mạng cũng vậy: Trong phần lớn các trường hợp, ngôn ngữ mạng là sự kết hợp cả con chữ (ngôn từ), con số, biểu tượng. Có thể thấy, những cách viết khác lạ, những kí hiệu phi ngôn

từ cùng với các hình ảnh gợi lên các sự liên tưởng. Đây chính là sự khác nhau giữa ngôn ngữ mạng với ngôn ngữ bình thường. Ví dụ:

Oh Tại Sao nhĩ 囍... ; giờ tớ show cho cả nhà 1 anh chàng vô kùg đáng iu nhá ㄟ hình nài chụp quê tớ đấy ㊦ ai mún bit về chàng thì pm tớ nhá ㊦.

Thứ ba, tính phương ngữ của ngôn ngữ mạng: Ngôn ngữ mạng đã tận dụng triệt để tính phương ngữ của mỗi ngôn ngữ, bao gồm phương địa lí (vùng miền), phương ngữ xã hội (các nhóm xã hội theo sự phân tầng xã hội). Nhờ đó, ngôn ngữ mạng gây được ấn tượng mạnh. Ví dụ:

Hỏi mần chi mà hỏi khó hỏi khấn rứa? Đi mà hỏi các nhà ngữ ngôn học Việt Nam miềng đó chớ. Số điện thoại mô bai là..., iméo là... Đọ nạ! Tui nỏ biết chi trả lời cho thiệt đụ thiệt rọ ràng mô! (NGÔN NGỮ... LÀ CÁI CHI CHI VẬY TA?).

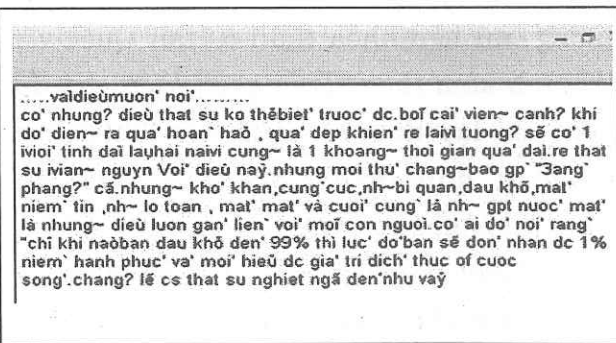
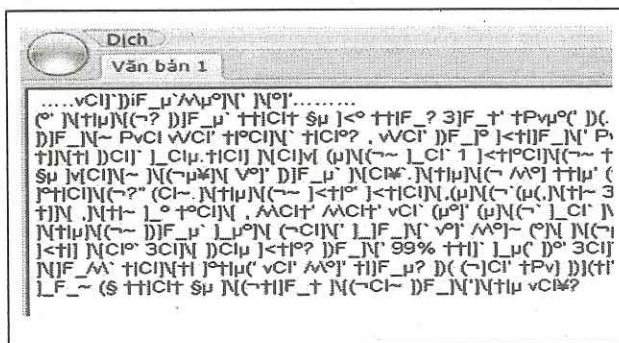
nhoc' thik anh da~ la^u roaj'. Anh dang trai wa moj' tjn^ tan vo~ cua mjnh'. (*Nhóc thích anh đã lâu roài/rồi. Anh đang

trả wa/qua mỗi tình tan võ của mình).

Thứ tư, tính khác thường của ngôn ngữ mạng: Ngôn ngữ mạng có đặc điểm là phải khác thường. Nói cách khác, “không khác thường” thì sao gọi là ngôn ngữ mạng được. Sự khác thường đó được thể hiện ở việc sử dụng ngôn từ khác lạ, pha trộn các yếu tố nước ngoài, sử dụng biểu tượng, con số và cả cách viết, cách trình bày. Ví dụ:

*4nh o? da^y giu*a~ d0'ng -do*j' la.c l0ng~... ng0n'g ch0*' aj -da~ ba0 la^n' fu. ba.c... Ha^h ngu*o*i' Kja Nhu*ng Sa0 L0n'g H0k the^?.. A^h Tjn'h Naj' Tho^y Hen. Nhai Kiep' Kha'c...M0^ng Hem Tha'nh th0^y -Danh' Que^h -Dj'>(* Anh ở đây giữa dòng đời lạc lõng, ngóng chờ ai đã bao lần phụ bạc, hận người kia nhưng sao lòng không thể, ân tình này thôi hện nhau kiếp khác, mộng không thành thôi đành quên đi).*

Tính khác thường của ngôn ngữ mạng nhiều khi được nâng lên, biến ngôn ngữ mạng trở thành “mật ngữ” cho một cộng đồng/nhóm xã hội riêng. Ví dụ:



(*Và điều muốn nói.....; Có những điều không thể biết trước được, bởi cái viễn cảnh khi đó diễn ra quá hoàn hảo, quá đẹp khiến lầm tưởng sẽ có một mối tình dài lâu, hai năm cũng là một khoảng thời gian

quá dài, thật sự mãn nguyện với điều này. Nhưng mọi thứ chẳng bao giờ “bằng phẳng” cả. Những khó khăn cùng cực, những bi quan, đau khổ, mất niềm tin, những lo toan, mất mát... Cuối cùng là

những giọt nước mắt, là những điều luôn gắn liền với mỗi con người. Có ai đó nói rằng: “Chỉ khi nào bạn đau khổ đến 99% thì lúc đó bạn sẽ đón nhận được 1% niềm hạnh phúc...” mới hiểu được giá trị đích thực của cuộc sống. Chẳng lẽ thật sự nghiệt ngã đến như vậy?). [Nguồn: Quý An-Nam Vương].

Thứ năm, tính trẻ hóa/teen hóa ngôn ngữ mạng: Cũng như các nhân tố xã hội khác của sự phân tầng xã hội, tuổi tác khác nhau thì có các phương thức biểu đạt ngôn ngữ khác nhau. Có thể nói, ngôn ngữ mạng là ngôn ngữ của giới trẻ. Nhưng có điều thú vị là, nếu như trong giao tiếp, nhất là trong giao tiếp chính thức, rất khó mà thấy được những người lớn tuổi sử dụng ngôn ngữ của giới trẻ, thì trong ngôn ngữ mạng có thể thấy xuất hiện ngôn ngữ mạng của người lớn tuổi “bất chước”, “phỏng theo” ngôn ngữ của giới trẻ. Sự thay đổi này, một mặt làm cho các cư dân mạng “già” được trẻ hóa, một mặt tăng hiệu quả vui nhộn, hài hước, chống lại cách sử dụng đạo mạo, quy chuẩn như truyền thống. Nói như cách nói của ngôn ngữ học xã hội Mỹ, “ai mồm trẻ lại thì hãy nói thật nhiều ngôn ngữ đường phố”. Ví dụ, các cư dân mạng tuy trên 50 tuổi vẫn “vô tư” sử dụng *iu, rùi*:

X (trên 55 tuổi): *Anh P. nhâm rùi! Chỉ có T. H và Đ.M. P thui!*

Y (65 tuổi Hà Nội): *Nhà NNH mô viết chánh tả rứa hè???????*

2. Một số đặc điểm cụ thể

2.1. Đặc điểm của tiếng Việt trên mạng

Ở Việt Nam, ngay từ khi có internet (11/1997), các loại hình như blog (2000)

tiếp đến là facebook (2009),... xuất hiện, theo đó ngôn ngữ mạng tiếng Việt xuất hiện. Với tư cách là biến thể đặc thù của tiếng Việt, bên cạnh những đặc điểm chung, ngôn ngữ mạng tiếng Việt còn có những đặc điểm riêng chỉ ở trên mạng mới có. Tiếng Việt trên mạng đang ngày một phát triển phong phú, đa dạng theo sự phát triển của mạng. Sự phong phú này là nhờ các cư dân mạng đã sử dụng các biến thể tiếng Việt, các yếu tố của tiếng nước ngoài mà đóng vai trò hàng đầu là tiếng Anh cùng các biểu tượng,... Cũng như ngôn ngữ mạng nói chung, tiếng Việt trên mạng trước hết thuộc về giới trẻ, cho nên, đây là lí do giải thích vì sao, ở Việt Nam, nó còn được xếp vào “ngôn ngữ a còng (@)”, “ngôn ngữ tuổi teen”/ “ngôn ngữ teen”. Ngôn ngữ mạng tiếng Việt có một số đặc điểm nổi trội như sau:

(i) *Biến thể ngữ âm:*

Đặc điểm nổi trội nhất của tiếng Việt trên mạng là sự xuất hiện các biến thể ngữ-âm từ vựng mà tâm điểm là xoay quanh các phát âm từ đó tạo cách viết “mới” âm tiết tiếng Việt. Cụ thể:

1) Tận dụng sự không tương ứng 1:1 giữa cách đọc và cách viết của chữ quốc ngữ trong một số trường hợp để tạo ra biến thể ngôn ngữ mạng. Như đã biết, do chữ quốc ngữ là chữ viết ghi âm, về cơ bản là sự tương ứng 1:1 giữa cách đọc và cách viết (đọc thế nào viết như thế). Tuy nhiên, trong một số trường hợp, một cách đọc có tới hai hoặc trên hai cách viết. Đây chính điểm mà các cư dân mạng khai thác để tạo ra các biến thể của ngôn ngữ mạng. Ví dụ: *ng/ngh (nghe/nge), g/gh (ghế/ghê); d/z/gi*

(gia đình / da đình / gia đình).

2) Tận dụng các biến thể ngữ âm của phương ngữ địa lí tiếng Việt để tạo ra các biến thể của ngôn ngữ mạng. Ví dụ: qu / w (quá / wá), v / z (vô / zô); l / n (làm / nàm; nam / lam), nh / d (nhện / dện); tr / gi (trời / giời); tr / ch (trời / chời); r / d / z (ra / za / da); kh / h (không / hông); s / x (xin xỏ / sin sỏ; sống / xống); ơ / ươ (lợn / lượn); o / oo (học / hoo).

3) Sử dụng phương ngữ xã hội như tiếng lóng, uyển ngữ, cách các phát âm của trẻ em, cách nói nhịu, cách nói nững nịu,... để tạo ra các biến thể của ngôn ngữ mạng. Ví dụ: b / p (bé / pé); iêu / iu (nhiều / nhieu); oi / ui (thôi / thui); -nh / -n (xinh quá / xin wá).

4) Sử dụng một vài con chữ tuy hiện

chưa được công nhận trong bảng chữ cái chữ quốc ngữ nhưng được xuất hiện thường xuyên trong tiếng Việt hiện nay: ph / f (phải / fải), w / qu / ua (quá / wá; hwa), đ / đ̣ (đẹp / đ̣ep); sử dụng các viết kiểu nước ngoài (dùng đ̣ thay cho đ), cách viết không có dấu thanh, ví dụ: đ̣ep doi / đ̣ep đ̣oi).

Dưới đây là một vài thống kê về sự thay đổi ngữ âm- chính tả (cách viết) các thành phần âm tiết tiếng Việt thường gặp trên ngôn ngữ mạng, bao gồm biến thể đoạn tính (âm đầu, âm đệm, Âm chính, âm cuối) và biến thể siêu đoạn tính (thanh điệu).

[*Ghi chú: biến thể: biến thể của ngôn ngữ mạng; chuẩn: tiếng Việt chung]

Bảng 1. Biến thể ngữ âm-chính tả của âm đầu âm tiết tiếng Việt trên mạng:

Chuẩn	Biến thể	Ví dụ
b	p	bé yêu: pé iu, bè bạn: pè bạn
c	k	khô khan: kô kan; con cưng: kon kung*
ch	t	đi chơi: đi toi
d	z	da trắng: za trắng
đ	d	đây đó: dây đó
g	j	gì: jì
gh	g	ghi: gi
gi	j	gì: jì; giữ gìn: jữ jìn
	z	giai đẹp: zai đ̣ep
	dz	anh giai: anh dzai
k	c	kim: cim
kh	k	con giai: kon zai
l	n	làm chi: nàm chi
n	l	nói nhiều quá: lói nhieu wá
nh	l	lớn quá: nhớn wá
ph	f	phải không: fải hông
qu	q	quê quán: qe qan, quét: qét
	w	quá xinh: wá sin, hôm qua: hôm wa; quý: wý

r	z	ra đi anh chờ: <i>za đi a chờ</i>
s	x	sung sướng: <i>xug xuog</i>
th	h	thì thui (thôi): <i>hì thui</i>
	x	thương quá: <i>xương wá</i>
tr	ch	trời ơi: <i>chời ui /</i>
	gi	trai đẹp: <i>giai đẹp</i>
v	z	vô: <i>zô</i>
	dz	về: <i>dzê</i> ; vào : <i>dzào</i>
X	s	xao xuyên: <i>sao sýn</i>

Bảng 2. Biến thể ngữ âm-chính tả của âm cuối âm tiết tiếng Việt trên mạng:

Chuẩn	Biến thể	Ví dụ
-c	k	rất tiếc: <i>rát tiêk</i>
	z	híc: <i>hiz'</i>
-i	y	thôi: <i>thôy</i>
	j	vui vẻ: <i>zuj zẻ</i> , con gái: <i>kon gaj</i> ,
ng	g	cũng: <i>kũg</i> , nhưng: <i>nhưg</i>
	k	chồng yêu: <i>chok iu</i>
O	u	tao: <i>tau</i> , làm sao: <i>làm sêu</i>
-t	c	tát: <i>tác</i>
-y	i	ngày xưa: <i>ngaj` xưa</i>

Bảng 3. Biến thể ngữ âm-chính tả của âm đệm âm tiết tiếng Việt trên mạng:

Chuẩn	Biến thể	Ví dụ
u	bỏ âm đệm	buồn quá: <i>bun^ qá</i> , quen quá: <i>qen wá</i>
không có	thêm âm đệm	nhé: <i>nhóe /</i> , có: <i>cóa</i> , nó: <i>nóa</i> , chơi: <i>choai</i>
o, u	w	hoa quả: <i>hwa wa</i> , hoa quả: <i>hwa qua</i>

Bảng 4. Biến thể ngữ âm-chính tả của âm chính âm tiết tiếng Việt trên mạng:

Chuẩn	Biến thể	Ví dụ
a	e	đáng yêu lắm: <i>deng iu lém</i>
	ê	sao mà khóc: <i>sêu mù kók</i>
	o	lò ji: <i>lòm gi</i>
	ơ	thông cảm: <i>thông kỡm</i>
	u	cảm ơn: <i>củm ơn</i>
	ư	đưng (nhưng) mà: <i>đưng mù</i>

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGÔN NGỮ MẠNG TIẾNG VIỆT

ă	e	thềng: <i>thềng</i> , ăn mắng: <i>en méng</i> , mắn: <i>mén</i>
	ơ	nhiều lắ: <i>nhỳi lóm</i>
	u	mắ mắ: <i>mum mum</i>
â	e	nhắc chậ: <i>nhék chừn</i>
	ê	cảm thấy: <i>kãm thềy</i>
	i	mất rồi: <i>mít rùi</i>
	ơ	hiểu lằ: <i>hủi lờm</i>
	u	bất công: <i>bút kug</i>
e	a	hẹn gặp: <i>hạn gep</i>
	iê	thêm: <i>thiêm</i> , nhé: <i>nhiế</i>
	ơ	thêm: <i>thờm</i>
ê	i	bệnh: <i>bịn</i>
	j	nếu: <i>nju</i>
	ia	thế: <i>thía</i>
	ja	thế: <i>etja</i>
	y	hết: <i>hýt/</i>
iê	e	biết: <i>pek</i>
	ê	yêu: <i>êu/</i>
	i	viết: <i>vít</i>
	y	nhiều lắ: <i>nhỳu lém</i>
yê	i	xinh yêu: <i>xynh iu</i>
	iê	yêu: <i>iêu</i> , quyết định: <i>wiê't đinh</i>
	y	rèn luyện: <i>riên lyn</i>
uô	u	buồn: <i>pùn</i> , yếu đuối: <i>íu đúi</i> , cuối cùng: <i>cúi cùng</i>
ư	ư	mỉm cười: <i>mỉm kừi</i>
	ư	rách rưới: <i>rách'rúi'</i>

Bảng 5. Biến thể thanh điệu trong âm tiết tiếng Việt trên mạng:

Chuẩn	Biến thể	Ví dụ
dấu ngã	dấu hỏi	nũa: <i>nũa</i> , cũng: <i>cung?</i> (<i>củng</i>)
dấu sắc	dấu hỏi	chúng mình: <i>chug? mik`</i> (<i>chủng mình</i>)
dấu huyền	dấu nặng	đủ lắ rồi: <i>du. lem' rui'</i> (<i>đủ lắ rồi</i>)
dấu nặng	h	vâng ạ: <i>vug ah</i>

Cùng với sự thay đổi trên là sự thay đổi về cách viết:

Dấu thanh	Kí hiệu thay thế	Ví dụ
dấu sắc	sử dụng ' (ghi ở cuối âm tiết)	ích kỉ: <i>ik' ki?</i>
dấu hỏi	sử dụng? (ghi ở cuối âm tiết)	khỏi: <i>khoi?</i>
dấu nặng	sử dụng. (ghi ngang với con chữ)	mặc dù: <i>mak. du`</i>

(ii) *Biến thể từ vựng-ngữ nghĩa:*

Tạo ra từ mới hoặc nghĩa mới trên cơ sở từ đã có và sử dụng các từ ngữ địa phương cũng là một đặc điểm đáng chú ý của ngôn ngữ mạng. Nhờ đó, tiếng Việt trên mạng trở nên linh hoạt, uyển chuyển và sinh động trong cách diễn đạt. Ví dụ:

*Buồn quá rử thềng e ra công viên chém gió (*thềng e; thằng em chỉ con trai)*

úp cái hình với thềng em. Lâu rùi. thềng em: thằng em chỉ chồng).

Zai iu của mình đây (Zai iu: trai/ giai yêu chỉ con trai).

Dôi ôi, tui nản lém rùi.

Uhm, chắc chụp ảnh nó rứa M. a; rứa à, rứa là tốt rồi, hehe.

Cuối tuần k cháo nòng, pia pọt giê hả cụ L.K.TH? (cụ: người lớn tuổi hơn).

có zai đẹp này bà ui (bà: bạn cùng trang lứa; ui: ôi / ời).

Nghé biết dạo này mẹ bạn... (nghé: gọi con còn bé).

Chồng mà léng phéng với kon nào chút với vợ, vợ theo chồng khác (vợ, chồng: gọi bạn trai, bạn gái).

ja djnh` ma` pe` lun iu thuong za` tran^ trong. (bé/pé: em- nữ sinh tự xưng; cũng để gọi người yêu).

Vâng. Đang học nội quy. Keke.

Chồng G người Hà Tĩnh, hehe.

Các từ ngữ lóng được sử dụng khá phổ biến. Ví dụ: *chém vãi; Me^t. da~ man* (mệt đã man).

(iii) *Biến thể câu:*

Một đặc điểm dễ nhận ra cách diễn đạt câu tiếng Việt trên mạng là cách diễn đạt của ngôn ngữ nói, vì thế, câu thường ngắn, có cấu trúc đơn giản, sử dụng dấu câu không theo quy định (nếu theo chuẩn mực thì những câu này bị xếp vào loại câu cụt, câu què); sau dấu chấm câu cũng không cần viết hoa; sau câu hỏi không có dấu chấm hỏi (?). Ví dụ:

Day chj rua.nhjn G. xjnh ra nhjeu lam.mjnh nhan no ra.thj thoag mjnh ve que thoi.chog gaj o mo rua. (Dạy chí rứa. nhìn G. xinh ra nhiều lắm. mình nhận nó ra.thình thoảng mình về quê thôi. chồng G. ở mô rứa.

Uhm, thế là ổn rùi, làm lèo nuôi luôn, mà trai hay gái vậy bạn?

úi zời ơi, dân Hà Nội đang fai lợi nước này a. Nhớ nhưng làm jì cho mệt (câu này có hai cách hiểu: “dân Hà Nội đang phải lợi nước này anh/ Nhớ nhưng làm gì cho mệt” và “dân Hà Nội đang phải lợi nước này/ anh Nhớ nhưng làm gì cho mệt).

Có những trường hợp không sử dụng dấu câu cho cả một “văn bản”:

*Buo^`n` wa', mang. sao sao a^y', vao` yahoo ko dc, ca? tua^`n` roai` ko ga (p. ban be` j` he^t', ko ai them` nha (n' tin cho minh` nu*a~ chu*') (Bon. ban. de^u? woe''') Minh` mo*i' ko vao` net` dc. ma^y' ngay` ma` da~ tha^y' sao sao a^y', ko bit` ngu*o*i` ta bi. song' tha^`n` thi` the^` nao`*

nhi???? Buo^'n` wa', ne^'u' ko co' ma^'y' kai' thie^'n tai nhu va^'y. co' phai? to^'t' ko?* (Buồn quá mạng làm sao ầu, vào yahoo không được, cả tuần rồi không gặp bạn bè gì hết, không ai thềm nhắn tin cho mình nữa chú (bạn bạn đều quá) Mình mới không vào net được mấy ngày mà đã thấy sao sao ấy, không biết người ta bị sóng thần thì thế nào nhỉ ??? Buồn quá, nếu không có mấy cái thiên tai như vậy có phải tốt không?).

(iv) *Biến thể chính tả*

Các viết trên mạng khá đa dạng, ngoài cách viết theo quy chuẩn, các cư dân mạng còn tạo ra các cách viết mới như: viết không dấu; viết hoa tùy ý; xê dịch cách đặt dấu thanh, dấu mũ; lặp lại con chữ cuối âm tiết; sử dụng các dấu khác (vốn không có trong cách viết chính tả tiếng Việt); v.v... Ví dụ:

- Sử dụng cách viết không dấu: *ruk ko f hoa co chu ruj ak.rag ruk ek.*

- Sử dụng cách viết chuyển dịch dấu mũ của một số con chữ. Ví dụ:

hanh. fuc' ben^ ja djnh` than^ thuong (hạnh phúc bên gia đình và người thân).

pe' xjn joi' thjeu^ . cho tat^' ca? moj. ng` trong cong^ . dong^`* (bé xin giới thiệu cho tất cả mọi người trong cộng đồng).

- Thay đổi cách viết cho một số con chữ có dấu mũ, như thay *ư* bằng kí hiệu*, ví dụ: *nu*a~ chu*/nữa chú*); thay *ã* bằng kí hiệu (ví dụ: *nha(n' tin /nhấn tin.*

- Sử dụng các viết hoa các con chữ một cách tùy ý:

CẦN 1 người để nhớ!!! cần 1 người quAn tâm... Cần 1 người lo lắng cần 1 người hjeu mjK.....

.....TaO.....hận.....mj....hấn..... gjám.....hUn.....mik.....taO..... mét.....hJx hJx

vĩnh biệt các pợn-vĩNh biệt moj người- tạm biệt tất cả

tớ đi.....NGủ =))

mà cóa kỷ niệm là đC rOày

- Lặp lại con chữ ở cuối âm tiết kết thúc câu:

Ka ka lại bức xúc kìaaaaaa.

Góc của a đầuuuuuuu.

- Sử dụng các dấu khác:

muốn đổi tên fb mà chưa nghĩ ra tên j hay ka.

_aj tư vấn cho káj tên nào hay hay đơ

(v) *Trộn mã (MIX) các yếu tố tiếng Anh:*

Các yếu tố tiếng Anh được các cư dân mạng sử dụng theo hai cách: sử dụng nguyên của tiếng Anh và tự tạo trên cơ sở các yếu tố của tiếng Anh. Ví dụ:

- Sử dụng các từ ngữ tiếng Anh: *Good BYE !!"*; viết rồi *del del* rồi viết; *Hải Hà là who??; Bạn đã bit gì về girl i!*

- Sử dụng câu hoặc phân đoạn câu tiếng Anh: *May ban oi , I'm very sad.*

- Sử dụng theo kiểu tự tạo trên cơ sở các yếu tố của tiếng Anh như viết tắt:

tranh thủ show pic giờ tớ shw cho cả nhà

Haha! Đây là cuộc thi tìm hủ zê hgirl, Có quà cho mừi you có câu trả lời hợp í chui nhứt,nhanh nhứt. Gn2u.

(vi) *Cách viết tắt và sử dụng con số thay thế:*

Vì mang tính khẩu ngữ nên ngôn ngữ mạng triệt để sử dụng cách viết tắt mang tính cá nhân cùng với các con số. Tất nhiên, các cách viết tắt đều gắn với bối

cảnh giao tiếp để người tiếp nhận có thể “luận” ra được. Ví dụ: *anh: a; em: e; người: ng; trước: trc; nhưng: nhg; trong: trg; chung- chg. M; em; N: anh; vs: với.*

Một từ có thể có tới mấy cách viết tắt. Ví dụ: *không: ko/kh/kg/o.*

Sử dụng các con số theo “thỏa thuận”. Ví dụ: A: 1, B: 2, C: 3; 8: chat.

Đối với những từ song hoặc đa âm tiết thì thường sử dụng cách viết tắt một trong số âm tiết mà người viết cảm thấy thuận lợi trong cách viết của mình (thường là âm tiết đầu). Ví dụ: *giáo trình: gtrình; những ngày: nhngày; nhà trọ: nhtrọ.*

Cách viết tắt còn được sử dụng đối với các từ ngữ tiếng Anh. Ví dụ: *ss: sister; U: you; ms: message; pls: please; lol: laugh on loud (cười lớn).*

Đáng chú ý là, các cư dân mạng vừa tận dụng “đồng nghĩa, gần nghĩa” vừa tận dụng “đồng âm, gần âm” giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Ví dụ:

vì *night* “đêm” gần âm *nine* “9” nên có cách nói/viết: *g9 (goodnight).*

2 tiếng Anh là *two* và *two* gần âm với *to* nên có cách nói/viết: *2nite (tonight), 2 day (today ngày, Cu 29 (see you tonight).*

Hi có cách đọc gần giống tiếng Việt là “hai, 2” nên có cách nói: *2! (Hi!).*

H/h viết tắt của *hour* nên có cách nói: *Mog rag e se hiu! A wen, e bun ngu ch? Bi h hon 12h rui do.*



(vii) *Sử dụng biểu tượng cảm xúc:*

Biểu tượng cảm xúc là kí hiệu được sử dụng để truyền tải cảm xúc trong ngôn ngữ mạng nói chung, tiếng Việt trên mạng nói riêng. Sử dụng các biểu tượng cảm xúc là một trong những lợi thế cơ bản của

ngôn ngữ mạng. Biểu tượng có thể sử dụng cùng với ngôn từ; có thể thay cho ngôn từ, nhất là ở những tình huống giao tiếp ý nhị và trong nhiều trường hợp, sức nặng ngữ nghĩa của biểu tượng còn lớn hơn ngôn từ rất nhiều. Các biểu tượng, hình ảnh được “lập trình” sẵn với ngữ nghĩa của từng kiểu loại, người sử dụng chỉ cần chọn lựa cho phù hợp, theo đó, có thể sử dụng một biểu tượng hoặc nhiều biểu tượng, v.v... Chẳng hạn, trong cửa sổ chat của facebook có đến ba bảng biểu tượng cảm xúc, người sử dụng có thể dễ dàng chọn lựa những biểu tượng phù hợp với cảm xúc mình muốn thể hiện hoặc mình thích. Ví dụ:

Biểu tượng: 

Kí hiệu biểu tượng: :-), ☹, :), ☹, :] => “vui”; ^_^ “rất vui”; :-), :(, :[, =[“không vui”.

đang  *cảm thấy buồn ngủ lại wên* 

Cùng với việc sử dụng các biểu tượng có sẵn, các cư dân mạng còn tự tạo ra các biểu tượng riêng. Ví dụ:

Hôm nay bầu trời sao lấp lánh. ánh sao nào vẫn mãi khắc tên anh.!!!

('°,(°°,□*,.°'),.°')*

(°°,(°°.,^^saodem_toasang2002^^,°°'),.°')

2.2. *Đặc điểm sử dụng*

Từ góc độ sử dụng và thái độ ngôn ngữ đối với việc sử dụng chúng, có thể thấy, tiếng Việt trên mạng có một số điểm đáng chú ý như sau:

1) Xét về phân tầng xã hội trong sử dụng ngôn ngữ, kết quả điều tra cho thấy:

a. Xét ở độ tuổi, tần số dụng một cách toàn diện các biến thể ngôn từ (như các đặc điểm nêu ở trên) giảm dần theo lứa tuổi: cư

dân mạng ở độ tuổi teen sử dụng các biến thể khá phong phú, đa dạng; cư dân mạng ở độ tuổi từ 20 đến trước 30 chỉ sử dụng một số biến thể; cư dân mạng từ sau 30 tuổi chỉ sử dụng một vài biến thể quen thuộc (như *rùi, roài, iu, nhìu*). So sánh:

Tuổi teen: *ib đi xu hà đag có chuyen; Rag rk mái iu; đag pùn; để bút bāY glờ làM saO; Ns aj mak ds rk.*

Tuổi 30 (cô giáo THPT): *Ci nhi!! Ai xinh o day???? Thui thi xinh tat a! Nhung dg là kh gi am áp bang tinh nguoi chi nhay?*

Tuổi 50: *Cả công ty bỗng dưng xôn xao vì sếp bắt đầu dùng phây.*

Tuổi 70: *Được mời ăn tiệc nhân ngày giải phóng Thủ đô.*

b. Xét ở góc độ giới, các cư dân mạng dù là nam hay nữ đều sử dụng tiếng Việt trên mạng theo lứa tuổi. Chỉ riêng việc sử dụng biểu tượng cảm xúc thì tần số sử dụng biểu tượng của nữ giới nhiều hơn ở nam giới.

2) Về việc trộn mã tiếng Anh trong việc sử dụng trên mạng, khảo sát cho thấy, việc sử dụng này còn phụ thuộc vào khả năng tiếng Anh của cư dân mạng. Nói chung, các cư dân mạng chỉ sử dụng trong khoảng 20 từ ngữ tiếng Anh gọi là quen dùng. Ví dụ: *thank you, sorry, forget, U/you, I, see (you), tonight, goodnight/ G9, miss (U), love (U), book (phòng, vé)*, v.v... Đối với các cư dân mạng có khả năng tiếng Anh tốt hơn (theo cách gọi quen thuộc là “thành thạo”) thì việc trộn mã diễn ra thường xuyên và số lượng ngôn từ tiếng Anh cũng đa dạng hơn. Ví dụ về cuộc nói chuyện của hai cô giáo tiếng Anh trẻ:

ko kiem dc cai version nao net hơn nhi; cai con hat You don't have to say u love me bi loại roai; ban H nhan textbook IS con

doi day reading tai chinh ah?; co ai day debate chua?

2) Xét ở sự lan tỏa của tiếng Việt trên mạng đến tiếng Việt trong đời sống: bước đầu khảo sát cho thấy, việc gọi là “lạm dụng” tiếng Việt trên mạng sang tiếng Việt đời sống không nhiều. Có chăng chỉ là cách sử dụng ở các trường hợp giao tiếp phi chính thức, tức là các ngôn bản mang tính trao đổi cá nhân. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp cá biệt sử dụng tiếng Việt trên mạng vào tiếng Việt học đường. Chẳng hạn, theo tác giả Bích Thanh “Được yêu cầu tóm tắt tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*, một học sinh (HS) lớp 9 ở Q.Tân Phú (TP.HCM) viết: “*Trên chiếc xe từ Lào Cai lên Sa Pa, bác lái xe có dịp gặp gỡ ông họa sĩ và cô kỹ sư. Bác nhiệt tình chiếu cho họ gặp gỡ trò chuyện với anh thanh niên... Chỉ sau 30' trò chuyện, ông họa sĩ và cô kỹ sư thêm... mến và khâm phục anh...*”⁽¹⁾. Tiến hành khảo sát một số bài viết của học sinh Trung học cơ sở, cũng như Trung học phổ thông cho thấy, trong một số bài viết có cách viết khẩu ngữ (như cách dùng từ, cách diễn đạt câu, v.v...). Thiết nghĩ, chúng ta không phủ nhận ảnh hưởng không tốt của tiếng Việt trên mạng đối với tiếng Việt trong trường học, nhưng, nguyên nhân của hiện tượng này cần được lí giải ở nhiều góc độ hơn là gán cho ngôn ngữ mạng là nhân tố duy nhất (nếu có thì đây chỉ là một trong những nguyên nhân).

3) Xét ở thái độ ngôn ngữ đối với tiếng Việt trên mạng, hiện có các luồng ý kiến khác nhau. Khảo sát của chúng tôi cho thấy:

⁽¹⁾ Báo Thanh Niên, ngày 29 tháng 8 năm 2015.

- Giới trẻ đa phần đều cho rằng, tiếng Việt trên mạng sử dụng như vậy là bình thường, “chẳng sao cả”, “chẳng có vấn đề gì”, “có thể chấp nhận được” (80%). Trong đó có tới 35% giới trẻ tỏ ra thích thú với tiếng Việt trên mạng; 20% cho rằng, sử dụng như vậy là “tiện lợi”; 54% cho rằng, sử dụng như vậy “mới vui”.

- Các bậc lớn tuổi, nhất là bậc phụ huynh học sinh thì tỏ ra dè dặt khi đưa ra nhận xét: 70% các ý kiến cho rằng, có thể sử dụng với điều kiện “khoanh vùng” được chúng chỉ ở trên mạng; 30% thì tỏ ra không đồng tình, “bất bình” với việc sử dụng tiếng Việt như vậy. Các ý kiến cho rằng, đây là thứ “ngôn ngữ chợ búa”, “tiếng Việt lai căng”, “tiếng Việt nhảm nhí”, “tiếng Việt ô nhiễm”, “biến tiếng Việt thành mật mã”, v.v... Theo đó, xã hội phải có thái độ dứt khoát “nói không” với thứ tiếng Việt này để “giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”, trước hết là tiếng Việt trong trường học.

3. Thay cho kết luận: thảo luận

1) Như đã nêu ở trên, ngôn ngữ mạng ra đời như một sự tất yếu, bởi có cư dân mạng (một loại nhóm xã hội) thì tất yếu có ngôn ngữ mạng (một loại phương ngữ xã hội). Cùng với các phương ngữ xã hội khác như tiếng lóng, tiếng nghề nghiệp, uẩn ngữ,... sự xuất hiện ngôn ngữ mạng tiếng Việt góp phần làm đa dạng tiếng Việt biến thể, và dĩ nhiên, có tác động đến tiếng Việt chung (tiếng Việt toàn dân), tới các đối tượng sử dụng tiếng Việt. Vì thế, trong xã hội đã xuất hiện các thái độ ngôn ngữ (language attitude) đối với ngôn ngữ mạng tiếng Việt.

2) Nhìn rộng ra, cho thấy, không phải tiếng Việt mà tất cả các ngôn ngữ trong thời đại công nghệ thông tin đều như vậy. Cùng với sự ra đời của công nghệ thông tin với sự hỗ trợ của internet là sự xuất hiện dịch vụ thông điệp ngắn (Short Message Service; SMS). Vì thế, Bodomo & Lee (2002) đã đưa ra vấn đề “Tiếp cận sử dụng và biến đổi ngôn ngữ do ảnh hưởng của công nghệ” (Technology-conditioned approach to Language Change and Use; TeLCU). Lí thuyết TeLCU cho rằng, cùng với sự ra đời của một loại hình công nghệ mới là sự ra đời của một hình thức ngôn ngữ mới, và điều đó là cần thiết để đáp ứng nhu cầu diễn đạt ngôn ngữ⁽²⁾. Với cách nhìn này, ngôn ngữ của SMS được xem là một biến dạng của ngôn ngữ chuẩn, còn Crystal thì cho rằng, SMS là cách viết mới của văn bản, mà hoàn toàn không phải là ngôn ngữ mới⁽³⁾.

3) Với cách nhìn của ngôn ngữ học xã hội, chúng tôi cho rằng, ngôn ngữ mạng nói chung, ngôn ngữ của SMS cũng như tiếng Việt trên mạng là một loại phương ngữ xã hội đặc thù. Bởi, loại ngôn ngữ này hướng người giao tiếp, đến sự thân thiện trong tương tác và tuân thủ nguyên tắc giao tiếp xã hội với ba phương châm: 1/ ngắn gọn và nhanh (brevity and speed); 2/ hồi đáp cận ngôn ngữ (paralinguistic

⁽²⁾ Bodomo, A. B. & Lee, C. K. M. (2002), *Changing forms of language and literacy: technobabble and mobile phone communication*. Literacy and Numeracy Studies: An International Journal in the Education and Training of Adults. 12(1): 23 - 44.

⁽³⁾ Crystal, D. (2001), *Language and the internet*. Cambridge: Cambridge University Press.

restitution); 3/ tiệm cận âm vị học (phonological approximation)⁽⁴⁾.

Trước một hiện tượng tiếng Việt là mới như vậy, chúng ta có thể chia sẻ những cách nhìn khác nhau của xã hội đối với tiếng Việt trên mạng hiện nay, gồm: ủng hộ, phản đối và bình tĩnh chờ đợi.

Nhìn từ góc độ chuẩn hoá theo hướng quy phạm luận (tức là, đưa ra những khuôn mẫu chuẩn sẵn để từ đó mà theo - chuẩn hóa theo hướng "bó buộc") thì rõ ràng sự phản đối ngôn ngữ mạng là hoàn toàn có lí và vì thế, cần chia sẻ sự lo lắng của những người muốn bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Nhưng nếu nhìn từ góc độ xã hội của ngôn ngữ thì ngôn ngữ mạng nói chung, tiếng Việt Việt trên mạng nói riêng là của cư dân mạng, mang tính chất nhóm xã hội, thậm chí mang phong cách cá nhân nên nó hoàn toàn có thể được sử dụng theo cách riêng của mỗi cá nhân, mỗi nhóm. Một thái độ ngăn chặn hay cấm sử dụng loại ngôn ngữ này là không thể nếu không muốn nói là phi lí. Tuy nhiên, vì mạng mang tính xã hội và sức lan tỏa rộng nên mọi thứ, trong đó có việc sử dụng ngôn ngữ tưởng như mang tính riêng tư lại trở thành vấn đề chung của cộng đồng và tất nhiên tác động cả hai chiều tích cực và tiêu cực đến xã hội. Bởi lí do đó nên, một mặt thừa nhận sự tồn tại hiển nhiên của ngôn ngữ mạng tiếng Việt và mặt cần "để mắt" đến chúng, không buông lỏng để cho tiếng Việt trên mạng tràn vào ngôn ngữ chính thức, vào tiếng Việt trong nhà trường. Vì thế, thiết nghĩ cần hài hòa giữa "lựa chọn" và "bó buộc" để có một thái độ bình tĩnh nhằm có thể tạo ra được định hướng xã hội

trong sử dụng ngôn ngữ "phù hợp với bối cảnh giao tiếp".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ xã hội học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Văn Hiệp - Đinh Thị Hằng (2014), *Thực trạng sử dụng tiếng Việt "phi chuẩn" của giới trẻ hiện nay nhìn từ góc độ ngôn ngữ học xã hội*. *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 5.
3. Trần Văn Phước - Võ Thị Liên Hương (2014), *Một số vấn đề về ngôn ngữ SMS của giới trẻ*, số 6.
4. Bodo, A. B. & Lee, C. K. M. (2002), *Changing forms of language and literacy: technobabble and mobile phone communication*. *Literacy and Numeracy Studies: An International Journal in the Education and Training of Adults*. 12(1): 23 - 44.
5. Crystal, D. (2001), *Language and the internet*. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Thurlow, C. (2003), *Generation Txt? The (socio-) linguistics of young people's text-messaging*. Discourse analysis online. <http://www.shu.ac.uk/daol/articles/v1/n1/a3/thurlow2002003-paper.html>
7. Aziz, S., Shamim, M., Aziz, M. F. & Avais, P. (2013), *The impact of texting/ SMS language on academic writing of students - What do we need to panic about?* *Linguistics and Translation*. 55, 12884 - 12890.
8. Các bài viết, tài liệu có liên quan được đăng tải trên các báo điện tử.

⁽⁴⁾ Thurlow, C. (2003), *Generation Txt? The (socio-) linguistics of young people's text-messaging*. Discourse analysis online. <http://www.shu.ac.uk/daol/articles/v1/n1/a3/thurlow2002003-paper.html>.